

# ĐỌC TIỂU THANH KÍ

(*Độc Tiểu Thanh kí*)

NGUYỄN DU<sup>(\*)</sup>

## KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Cảm nhận được tâm sự xót thương, day dứt của Nguyễn Du đối với nỗi oan của những kiếp tài hoa và với chính mình.*
- *Thấy được ý nghĩa biểu trưng sâu sắc của một số hình ảnh trong bài thơ.*

---

(\*) Về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du, xem bài *Nguyễn Du* trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập hai.

## TIỂU DẪN

Nguyễn Du (1765 - 1820) là đại thi hào dân tộc. Ngoài những kiệt tác thơ chữ Nôm *Văn tế thập loại chúng sinh*, đặc biệt là *Truyện Kiều*, ông có ba tập thơ chữ Hán : *Thanh Hiên thi tập* (Tập thơ của Thanh Hiên), *Nam trung tạp ngâm* (Thơ ngâm khi ở phương Nam) và *Bắc hành tạp lục* (Thơ làm trong chuyến đi sang phương Bắc). *Độc Tiểu Thanh kí* là một trong số những bài thơ chữ Hán nổi tiếng của ông.

Tương truyền Tiểu Thanh người Quảng Lăng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Nàng rất thông minh, nhiều tài nghệ. Năm mười sáu tuổi làm vợ lẽ một người ở Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Vợ cả ghen, bắt ở riêng biệt trên một ngọn núi thuộc địa phận Hàng Châu, tên là Cô Sơn. Trong những ngày buồn khổ này, Tiểu Thanh làm nhiều thơ, từ. Lám bệnh, nàng chết khi mới mười tám tuổi. Tập thơ, từ nàng để lại bị người vợ cả đem đốt. Trước khi chết, nàng lấy hai tờ giấy gói mấy vật trang sức gửi tặng một cô gái. Đó chính là bản thảo thơ, từ còn lại của nàng, gồm chín bài tuyệt cú, một bài cổ thi và một bài từ. Người trong họ chồng nàng tìm thêm được một bài nữa, khắc in thành tập và đặt tên là *Phấn dư* (Đốt còn sót lại). Trong *Tiểu Thanh truyện* do Trương Tiểu (Trung Quốc) sưu tập năm 1678 có đầy đủ các bài thơ *Phấn dư*.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du không còn bản gốc nên rất khó biết được xuất xứ và thời điểm sáng tác bài thơ này. Tuy nhiên, với nhan đề *Độc Tiểu Thanh kí* thì dù làm vào khi nào, ở đâu, bài thơ vẫn không vì thế mà thay đổi ý nghĩa.

\*  
\* \*

*Phiên âm :*

Tây Hồ hoa uyển tảo thành khu,  
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.  
Chi phấn hữu thân liên tử hậu,  
Văn chương vô mệnh luy phần dư.  
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,  
Phong vận kì oan ngã tự cư.  
Bất tri tam bách dư niên hậu,  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?

*Dịch nghĩa :*

Cảnh đẹp ở Tây Hồ<sup>(1)</sup> đã thành gò hoang cả rồi,  
Chỉ vướng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ.

---

(1) *Tây Hồ* : thuộc Hàng Châu, nơi có núi Cô Sơn mà Tiểu Thanh từng sống và chết ở đấy.

Son phấn<sup>(1)</sup> có thân<sup>(2)</sup> chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết,  
Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.  
Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được,  
Ta tự coi là kẻ cùng một hội với con người phong vận<sup>(3)</sup>  
mắc nỗi oan lạ lùng.

Không biết hơn ba trăm năm sau,  
Thiên hạ ai người khóc Tố Như<sup>(4)</sup> ?

*Dịch thơ :*

*Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,  
Thổn thức bên sông mảnh giấy tàn.  
Sơn phấn có thân chôn vẫn hận,  
Văn chương không mệnh đốt còn vương.  
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,  
Cái án phong lưu khách tự mang.  
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,  
Người đời ai khóc Tố Như chăng ?*

VŨ TAM TẬP dịch  
(*Thơ chữ Hán Nguyễn Du, NXB Văn học, Hà Nội, 1965*)



Phần mộ thi hào Nguyễn Du tại Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

- (1) *Sơn phấn* : dịch chữ "chi phấn", nghĩa bóng ở đây chỉ người phụ nữ
- (2) *Thân* : chữ Hán có nghĩa như "hồn", phần tinh anh của con người. Theo quan niệm "Thác là thể phách, còn là tinh anh" (*Tuyển Kiều*), phần xác tuy chết, nhưng phần hồn là cái tinh anh vẫn còn
- (3) *Phong vận* : thanh lịch, tao nhã ; cũng có nghĩa là tài hoa
- (4) *Hơn ba trăm năm* : có lẽ là một con số ước lệ chỉ khoảng thời gian dài. *Tố Như* là tên chữ của Nguyễn Du

## HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc chú thích, tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của một số từ ngữ : "cảnh đẹp", "son phấn", "phong vận". Đối chiếu bản dịch thơ với bản dịch nghĩa.
2. Nỗi xót thương của nhà thơ trước số phận của Tiểu Thanh được thể hiện thế nào qua hai câu mở đầu ?
3. Qua các câu 3 - 4 và 5 - 6, tác giả suy ngẫm về số phận của những kiếp tài hoa như thế nào ?
4. Với hai câu cuối của bài thơ, tác giả đã thể hiện tâm sự của mình như thế nào khi tự coi mình là kẻ cùng hội cùng thuyền với con người phong vận mắc nỗi oan "lạ lòng" ấy ?
5. Học thuộc bản phiên âm và bản dịch bài thơ.

## BÀI TẬP NÂNG CAO

Trong bài *Đọc Tiểu Thanh kí* Nguyễn Du đã xót thương Tiểu Thanh giống như xót thương nàng Kiều trong *Truyện Kiều*. Hãy giải thích vì sao nhà thơ đặc biệt quan tâm tới những người phụ nữ tài hoa bạc mệnh.

## TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

### Cách biểu hiện chủ thể trữ tình trong thơ trung đại

Chủ thể trữ tình (hay nhân vật trữ tình) là một nhân vật ước lệ, là cái "tôi" mà bài thơ là biểu hiện trực tiếp ý thức của nó. Ý thức đó là sự biểu hiện gián tiếp ý thức của tác giả. Trong thơ trữ tình hiện đại, chủ thể trữ tình thường xưng là "tôi" ("Tôi muốn tắt nắng đi - Cho màu đừng nhạt mất..." - Xuân Diệu ; "Tôi đã là con của vạn nhà - Là em của vạn kiếp phôi pha - Là anh của vạn đầu em nhỏ..." - Tố Hữu). Nhưng trong thơ trung đại phương Đông, chủ thể trữ tình có những cách biểu hiện đặc thù. Chủ thể trong câu thơ thường không xưng "tôi", mà ẩn đi, làm cho câu thơ vang lên tự trong lòng như một điệu cảm nhận, một thể nghiệm. Chủ thể đắm mình vào thế giới tưởng tượng của thơ, có thể sử dụng điểm nhìn cá thể "tôi", đồng thời lại có thể vượt lên cái "tôi" bé nhỏ, cố định của mình để nhìn thế giới và bản thân mình ở tầm cao, tầm xa, từ điểm nhìn "siêu cá thể". Lúc đó nhà thơ thường tự gọi mình bằng "khách", "nhân", "lão phu" hay bằng tên của mình. Nhờ thế nhà thơ có thể cảm nhận mình từ nhiều chiều. Sự thưa vắng đại từ "tôi" làm cho câu thơ dễ laylan tình cảm, bởi nó xoá mờ ranh giới giữa tác giả và người đọc. Mọi người đọc thơ đều có thể cảm thấy như lời của mình.